

NỘI DUNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON HIỆN NAY

TS. TRỊNH THÚY GIANG* - TS. NGUYỄN VĂN HÙNG**

Sau khi chương trình *Giáo dục mầm non* (GDMN) mới được chính thức ban hành, các trường mầm non hiện nay đã tiếp cận việc giáo dục kĩ năng sống (GDKNS) cho trẻ với những hình thức khác nhau và cùng hướng tới mục tiêu: *giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống (KNS) cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.*

Như vậy, với mục tiêu trên, chương trình GDMN hiện nay đã đổi mới theo hướng chú trọng và tăng cường GDKNS cho trẻ. Tuy nhiên, các nội dung GDKNS không đứng độc lập mà được lồng ghép vào trong các nội dung giáo dục (GD) khác trong chương trình. Bài viết phân tích các lí do của vấn đề này và chỉ ra những nội dung hàm chứa nội dung GDKNS trong chương trình GDMN hiện nay, từ đó giúp cho GV hiểu biết rõ hơn về các nội dung GDKNS trong trường mầm non và công tác GDKNS cho lứa tuổi này.

1. Quan niệm về KNS và GDKNS ở tuổi mầm non

Trong lịch sử GD Việt Nam, nội dung GD con người biết đối nhân, xử thế của cha ông ta đã được thể hiện rất nhiều qua ca dao, tục ngữ như: "*Học ăn, học nói, học gói, học mở*" hay "*Học dăm ba chữ để làm người*" với mục đích: "*Đói cho sạch, rách cho thơm*" và "*Thương người như thể thương thân*"... Còn trong các nhà trường, GD con người trở nên có hiểu biết, có kĩ năng (KN) làm việc và có KN ứng xử là mục tiêu GD quan trọng: "*Học để biết, học để làm, học để làm người và học để cùng chung sống*". Tất cả các nội dung trên đều hàm chứa nội dung KNS, tuy nhiên, chỉ trong xã hội hiện đại ngày nay thuật ngữ KNS mới ra đời và được quan tâm nghiên cứu để giúp con người đối phó với những thách thức và nâng cao chất lượng cuộc sống.

1) *Trong nghiên cứu, đã có nhiều quan niệm khác nhau về KNS.* Theo UNESCO: KNS là năng lực cá nhân để thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày. Theo WHO: KNS là những năng lực đáp ứng và những hành vi tích cực giúp cá nhân có thể giải quyết có hiệu quả những yêu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày. Các quan niệm khác như: KNS là KN tâm lí xã hội liên quan đến tri thức, những giá trị và những thái độ; hoặc quan niệm: KNS là những KN mang tính tâm lí xã hội và KN giao tiếp, được vận dụng trong những tình huống hàng ngày để tương tác một cách hiệu quả với người khác và giải quyết có hiệu quả những vấn đề, những tình huống của cuộc sống hàng ngày.

Như vậy, với các quan niệm trên, KNS được đề cập với các góc độ và bình diện rộng, hẹp khác nhau và có thể thấy rõ, KNS vừa mang tính cá nhân vì đó là năng lực của cá nhân, vừa mang tính xã hội vì mỗi một thời điểm phát triển của xã hội, mỗi vùng miền lại đòi hỏi mỗi cá nhân phải có những KNS thích hợp. KNS không chỉ giúp con người tham gia vào đời sống xã hội, giải quyết được những vấn đề thách thức đặt ra mà còn giúp nâng cao chất lượng cuộc sống. Với nghĩa như vậy, *KNS được phân chia thành những KNS chung và những KNS trong từng vấn đề cụ thể.* - Các KN nhận thức: KN tư duy phê phán, giải quyết vấn đề, nhận thức hậu quả, ra quyết định, khả năng sáng tạo, tự nhận thức về bản thân, xác định giá trị; - Các KN đương đầu với xúc cảm bao gồm: kiểm chế căng thẳng, kiểm soát được cảm xúc, tự quản lí, tự giám sát, tự điều chỉnh...; - Các KN xã hội hay KN tương tác bao gồm: KN giao tiếp, tính quyết đoán, các KN thương thuyết, KN từ chối, KN lắng nghe, KN hợp tác...; - Các KNS trong từng vấn đề cụ thể như: vệ sinh, vệ sinh thực phẩm, sức khỏe, dinh dưỡng, các vấn đề về giới tính, sức khỏe sinh sản, ngăn ngừa thiên tai, bạo lực, gia đình và cộng đồng, GD công dân, bảo vệ thiên nhiên và môi trường...

* Trường Đại học sư phạm Hà Nội

** Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội

Sự phân loại nêu trên cho thấy rõ bản chất của KNS, giúp các nhà GD có cách tiếp cận hợp lí trong GD KNS ở từng độ tuổi.

2) Quan niệm về KNS và GDKNS lứa tuổi mầm non. Đối với mỗi độ tuổi, các KNS nêu trên sẽ có sự phân định và mức độ đạt được phù hợp. Trong bậc GD mầm non, do đặc trưng của độ tuổi và tính chất giáo dục, mục tiêu, nội dung và phương pháp GDKNS cũng sẽ có những đặc trưng riêng.

Khảo sát một số trường mầm non ngoại thành Hà Nội cho thấy: - Hầu hết giáo viên (GV) chưa hiểu biết đầy đủ về KNS nói chung và KNS tuổi mầm non nói riêng (97,5%), từ đó có những quan niệm khác nhau về KNS dành cho tuổi mầm non; - Phần lớn GV cho rằng GDKNS là GD các KN để trẻ tham gia vào các hoạt động khác nhau trong cuộc sống và các KN này là những KN chuyên biệt, độc lập với các nội dung GD trong nhà trường mầm non (93,6%). Qua trao đổi với các GV mầm non, có nhiều ý kiến cho rằng việc GDKNS cho trẻ nếu có thì tốt và không có cũng không sao vì trước đây, trẻ không được GDKNS trong trường mầm non nhưng vẫn trở thành những công dân tốt; - Có tới 96,6% GV cho rằng GDKNS cho trẻ là công việc chuyên môn của các chuyên gia GDKNS và không thuộc chuyên môn hàng ngày của họ; - Trẻ muốn được học KNS thì phụ huynh đăng kí cho con học theo các lớp riêng (1 hoặc 2 buổi/tuần) do các chuyên gia trường mời về dạy.

Những quan niệm chưa đúng về KNS và GDKNS nêu trên khiến cho GV mầm non lúng túng trong việc nhận biết và xác định các nội dung GDKNS cho trẻ khi mà các nội dung GDKNS không được chỉ rõ trong chương trình GDMN hiện nay.

2. Nội dung GD KNS ở trường mầm non hiện nay

GDMN có một vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp GD thế hệ trẻ vì nhờ nó mà trẻ em ở lứa tuổi này có được những nền móng đầu tiên của nhân cách. Tục ngữ có câu: "Dạy con từ thuở còn thơ" vì "tre non" thì "dễ uốn", "Non chẳng uốn, già nổ đốt", "Bé không vin, cả gãy cành"...

Việc GD đạo đức cho trẻ không nằm ngoài việc hình thành và phát triển hệ thống những thái độ và hành vi của trẻ đối với những người xung quanh, với bản thân và môi trường sống. Cùng với đặc điểm tâm - sinh lí lứa tuổi, việc chăm sóc và GD trẻ ở trường mầm non không tách rời nhau. Chăm sóc chính là GD và GD thông qua chăm sóc. Ở độ tuổi càng nhỏ, cần bắt đầu GD cho trẻ những thái độ, hành vi đơn giản nhất như: biết giữ gìn vệ sinh tay, chân sau khi chơi, biết chào hỏi những người xung quanh, biết cảm

ơn, xin lỗi... Vì lẽ đó, kết quả chăm sóc cũng chính là kết quả GD: "Trẻ em như búp trên cành/Biết ăn, biết ngủ, biết học hành là ngoan".

Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, việc GD trẻ không chỉ dừng lại ở việc dạy trẻ "biết ăn, biết ngủ" hay dạy trẻ biết "Học ăn, học nói, học gói, học mở" mà còn dạy cho trẻ các KNS cần thiết khác để trẻ có thể sống, hoạt động và phát triển tốt hơn, chẳng hạn như: GD để trẻ có thể nhận biết và phòng tránh rủi ro cho bản thân, có thể thích nghi tốt với môi trường sống, biết thể hiện xúc cảm của bản thân và chia sẻ với người khác, biết kiềm chế nóng giận của bản thân trong quá trình vui chơi...

Với cách tiếp cận như vậy, trong chương trình GDMN mới hiện nay, GDKNS đã được đề cập trong mục tiêu chung của chương trình. Tuy nhiên, khi đi vào mục tiêu, nội dung GD riêng cho từng độ tuổi, chương trình không chỉ rõ đâu là mục tiêu và nội dung GDKNS.

Kết hợp nghiên cứu bản chất của KNS, đặc điểm quá trình GDMN và chương trình GDMN cho thấy, trong mục tiêu và nội dung GD của chương trình là hàm chứa nội dung GDKNS.

1) Nội dung GDKNS trong chương trình GD tuổi nhà trẻ. Trong các mục tiêu phát triển về thể chất, phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ, phát triển tình cảm, KN xã hội và thẩm mỹ đều hàm chứa nội dung GDKNS: - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ; - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhen, khéo léo, thăng bằng cơ thể); - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay; - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân; - Có khả năng tìm hiểu thế giới xung quanh; - Có sự nhạy cảm của các giác quan; - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản; - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc; - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói; - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ; - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu; - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói; - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi; - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi; - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt; - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình...

2) Nội dung GDKNS trong chương trình GD mẫu giáo. Đối với tuổi mẫu giáo, nội dung GDKNS

dễ nhận biết hơn trong mục tiêu và nội dung GD vì sang đến thời kì này, các hoạt động của trẻ phong phú hơn trước, trẻ tham gia nhiều hơn vào các hoạt động cả về mức độ và cường độ. Các yêu cầu đối với sự phát triển nhân cách của trẻ cũng cao hơn trước. Do vậy, các nội dung GDKNS thể hiện trong chương trình rõ ràng hơn.

Cụ thể là: - Biết định hướng trong không gian; - Có KN trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay; - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ; - Có một số thói quen, KN tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân; - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định; - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau; - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu; - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán; - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày; có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...); diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hằng ngày; có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện; có khả năng cảm nhận văn điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi; có một số KN ban đầu về việc đọc và viết; - Có ý thức về bản thân, có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh; - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực; - Có một số KN: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ; thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi; - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật; có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

Như vậy, nội dung GDKNS trong chương trình GDMN được ẩn chứa trong mục tiêu và nội dung GD của từng độ tuổi. Các nội dung này khá toàn diện, khá phong phú và khá cụ thể, giúp trẻ có thể dần thích nghi với môi trường tự nhiên và xã hội, làm quen và khám phá chúng. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT, Viện Chiến lược và chương trình giáo dục. *Giáo dục kĩ năng sống ở Việt Nam*, UNESCO, H. 2005.

2. Bộ GD-ĐT. *Chương trình giáo dục mầm non*, H. 2009.
3. Thái Duy Tuyên. **Triết học giáo dục Việt Nam**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2007.
4. Nguyễn Ánh Tuyết. **Giáo dục mầm non - những vấn đề lí luận và thực tiễn**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2005.

SUMMARY

Article refers to the content of life skills education in early childhood education programs today, the authors analyzed the content of education in life skills education programs year-old kindergarten, preschool. The content is quite comprehensive, quite rich and quite specific, can help children to gradually adapt to the natural environment and society, get acquainted and explore them.

Phát huy vai trò của Internet...

(Tiếp theo trang 60)

cả người dạy và người học được tiếp xúc với các phương tiện hiện đại, làm giàu thêm vốn hiểu biết của mình. Nếu biết khai thác và sử dụng hợp lí những thành quả mà Internet mang lại thì hoạt động dạy học sẽ đạt được hiệu quả cao, góp phần xây dựng một nền giáo dục vững mạnh cả về lượng và chất. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Duy Bình. "Một số giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường phổ thông". *Tạp chí Giáo dục*, số 223 (Kì 1-10/2009).
2. Ban Công nghệ thông tin. **Công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo**. NXB Giáo dục, H. 1997.
3. Bộ GD-ĐT. **Giáo dục công dân lớp 10, 11, 12**. NXB Giáo dục, H. 2007.
4. Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn. **Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực**. NXB Giáo dục, H. 2008.
5. Lê Vinh Quốc. **Các yếu tố cơ bản trong quá trình giáo dục hiện đại và vấn đề đổi mới dạy học ở Việt Nam**. NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh, 2008.
6. Một số trang web: www.moet.gov.vn; www.echip.com.vn; www.ebook.edu.vn; www.vnies.edu.vn

SUMMARY

In this globalized world of information, teachers of Civic Education need to be creative and dedicate themselves to innovating methodologies for Civic Education in particular and the education sector in general to maximize the benefits of the Internet.